| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 66/2017/DSST
Ngày: 28-9-2017
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải;
2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28-9-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2017/TLST - DS ngày 06-6-2017, về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:84/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-DS ngày 12-9-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Trường G, sinh năm 1985.
Người được ủy quyền: Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1987
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: 1/Trần Thị Cẩm Th, sinh năm 1986.
2/ Phạm Tấn T, sinh năm 1981.
Cùng địa chỉ: số 23, tổ 8, ấp T, xã H, thành phố C, Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn theo ủy quyền có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nguyên đơn trình bày: Nguyên vào ngày 05-9-2015, anh G có cho chị Th và chồng chị Th là anh T vay số tiền là 40.000.000 đồng, không thoả thuận về thời hạn trả vốn, lãi suất thoả thuận là 7 %/tháng, có biên nhận vay.

Trong khi thoả thuận về việc cho vay, anh G có nói với chị Th và anh T là khi nào anh G cần thu hồi lại vốn thì anh G sẽ báo cho chị Th và anh T trước 02 tháng để anh chị lo tiền hoàn trả tiền vốn lại cho anh G.

Sau khi vay tiền, chị Th và anh T đã trả được cho anh G số tiền lãi là 20.000.000 đồng, tính từ ngày 05-9-2015 đến tháng 07-2016 là 10 tháng, mỗi

tháng là 2.000.000 đồng. Sau đó, chị Th và anh T không tiếp tục trả tiền lãi và tiền vốn cho anh G. Anh G có nhiều lần đến nhà để gặp và yêu cầu chị Th và anh T trả nợ cho anh G nhưng chị Th và anh T cố tình trốn tránh, không đồng ý trả nợ vốn và lãi cho anh G.

Tại đơn khởi kiện, biên bản công khai chứng cứ nguyên đơn yêu cầu anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th trả số tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn theo ủy quyền yêu cầu anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th có nghĩa vụ trả số vốn vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, đồng ý điều chỉnh lãi suất đã nhận theo quy định pháp luật.

- Bị đơn Trần Thị Cẩm Th và Phạm Tấn T vắng mặt không có văn bản ý kiến, không giao nộp chứng cứ.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Biên nhận mượn tiền 05-9-2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền hai bên tranh chấp là tiền vay và làm biên nhận vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th dù đã được Tóa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Ngọc C yêu anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th trả số tiền còn thiếu tiền còn thiếu 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 05-9-2015 thể hiện số tiền anh anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th có mượn anh G số là 40.000.000 đồng. Mặt khác, kể từ khi làm biên nhận nợ đến nay anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th không có chứng cứ gì để chứng minh là mình đã có trả vốn và lãi cho anh G. Do đó, yêu cầu của Huỳnh Trường G là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên về phần lãi suất đã nhận là 20.000.000 đồng là cao hơn so với lãi suất theo quy định pháp luật và chị Nguyễn Thị Ngọc C cũng thống nhất điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật và khấu trừ vào số tiền đã nhận, còn lại bao nhiêu trừ vào số vốn phải trả. Xét thấy là phù hợp nên điều chỉnh lại tiền lãi như sau:

- Lãi theo qui định của pháp luật được tính như sau: Từ ngày 05-9-2015 đến 28-9-2017 là 24,5 tháng lãi là: 40.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 24,5 tháng = 11.025.000 đồng.

- Số tiền lãi anh G đã nhận là 20.000.000 đồng, do đó số tiền còn lại vào số tiền vốn đã nhận là 20.000.000 đồng – 11.025.000 đồng = 8.975.000 đồng.

Do đó, anh T và chị Th có nghĩa vụ trả tiếp cho anh G số tiền là 40.000.000 đồng – 8.975.000 đồng = 31.025.000 đồng.

Đối với anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th không có văn bản ý kiến nhưng căn cứ vào các nhận định nêu trên thì anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th phải có nghĩa vụ cho anh Huỳnh Trường G số tiền vốn vay còn thiếu 31.025.000 đồng là mới phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật là 1.551.250 đồng.

***Vì các lẽ trên***;

## QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147; Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.***

- Chấp nhận yêu cầu anh Huỳnh Trường G.

- Buộc anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Trường G số tiền còn thiếu là 31.025.000 đồng (Ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi lăm ngàn).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Anh Huỳnh Trường G không phải chịu án phí dân sự. Trả lại cho anh Huỳnh Trường G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai

thu số 13440 ngày 05-6-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Cẩm Th phải chịu số tiền 1.551.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Tùng**